

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12 /DSST-HNGĐ

Ngày 26/04/2024

Về việc “Ly hôn, tranh chấp

nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Tâm

2. Ông Nguyễn Văn Thông

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Gia Nghĩa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn B, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn T, xã, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông. Địa chỉ: Đường L, tổ dân phố 03, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tiến H – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Trần Văn B đăng ký kết hôn vào ngày 15/04/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, bất đồng mâu thuẫn về lối sống nên giữa hai vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện chị T và anh B đã ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đặng Thị T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn B.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 03 con chung là Trần Đình P sinh ngày 23/06/2010; Trần Đặng Khánh L sinh ngày 9/10/2012; Trần Đặng Khánh L sinh ngày 22/07/2016. Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/09/2023 chị Đặng Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 25/10/2023 và tại phiên hòa giải ngày 15/12/2023, chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Đặng Khánh L và Trần Đặng Khánh L. Giao con chung Trần Đình P cho anh Trần Văn B chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Đặng Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, chị Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Đặng Thị T thừa nhận chị và anh Trần Văn B có khoản nợ chung 28.000.000đ (*hai mươi tám triệu đồng*) vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Đắk Nông. Chị T đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ nêu trên tương ứng số tiền 14.000.000đ (*mười bốn triệu đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn B kết hôn với chị T, có đăng ký kết hôn (ngày 15/04/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông). Anh (B) cho rằng chị T có quan hệ nam nữ không trong sáng, nhưng anh B không cung cấp được chứng cứ, tài liệu chứng minh, anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng của anh và chị T có nhiều bất đồng mâu thuẫn, hạnh phúc không đạt được, hiện tại anh và chị T đã ly thân. Anh Trần Văn B đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị T.

Về con chung: Quá trình sống chung, anh và chị Đặng Thị T có 03 con chung là Trần Đình P sinh ngày 23/06/2010; Trần Đặng Khánh L sinh ngày 9/10/2012; Trần Đặng Khánh L sinh ngày 22/07/2016. Qua trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Đình P; đối với con chung Trần Đặng Khánh L và Trần Đặng Khánh L anh B đồng ý giao cho chị Đặng Thị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn B khai báo anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Trần Văn B thừa nhận anh và chị T có khoản nợ chung 28.000.000đ (*hai mươi tám triệu*) đồng với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đắk Nông. Anh B đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ nêu trên, tương ứng với số tiền 14.000.000đ (*mười bốn triệu đồng*).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:

Ông Trần Văn B đã vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Nông với tổng số tiền là 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*), thời hạn cho vay: 60 tháng, lãi suất cho vay: 7,92%/năm, lãi suất quá hạn: 10,296%/năm, lịch trả lãi: Trả lãi định kì theo hàng tháng, phân kì trả gốc bắt đầu từ ngày 22/09/2021, ngày trả nợ cuối cùng: 22/3/2026. Số tiền lãi tính đến ngày 10/12/2023 mà ông Trần Văn B đã thanh toán là 6.897.557đ (*Sáu triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng*). Số tiền gốc đã thanh toán: 2.000.000đ (*hai triệu đồng*). Số tiền gốc còn nợ: 28.000.000đ (*hai mươi tám triệu đồng*). Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 01/10/2023, ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Đắk Nông yêu cầu anh Trần Văn B và chị Đặng Thị T phải có nghĩa vụ chung trả nợ gốc là 28.000.000đ (*hai mươi tám triệu đồng*) và lãi tạm tính đến ngày 10/12/2023: 0 đồng (*không đồng*).

Ngày 23/4/2024, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đắk Nông đã rút đơn yêu cầu độc lập vì chị Đặng Thị T và anh Trần Văn B đã tất toán xong khoản nợ nêu trên, hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị T được ly hôn anh Trần Văn B.

Về con chung: Giao con chung Trần Đặng Khánh L sinh ngày 9/10/2012 và Trần Đặng Khánh L sinh ngày 22/07/2016 cho chị Đặng Thị T chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung Trần Đình P sinh ngày 23/06/2010 cho anh Trần Văn B chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T và anh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh B có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Chị T và anh B không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị T và anh B đều thừa nhận có khoản nợ chung là 28.000.000đ (*hai mươi tám triệu đồng*) đối với Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Đắk Nông. Chị T và anh B đã tắt toán khoản nợ trên, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Đắk Nông rút đơn yêu cầu độc lập. Do đó đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa anh Trần Văn B vắng mặt lần thứ 02 không lý do, chị Đặng Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy việc xét xử vắng mặt các đương sự trên là có căn cứ và phù hợp.

[2] . Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Trần Văn B kết hôn vào ngày 15/04/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Đặng Thị T và anh Trần Văn B, HĐXX xét thấy: Sau khi kết hôn hai cuộc sống vợ chồng của chị T và anh B không hòa hợp, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, lối sống. Hiện tại giữa chị T và anh B đã không còn tình cảm yêu thương sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh B đã trầm trọng, hai người không còn sống chung với nhau từ lâu. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 03 con chung là Trần Đình P sinh ngày 23/06/2010; Trần Đặng Khánh L sinh ngày 9/10/2012; Trần Đặng Khánh L sinh ngày 22/07/2016. Anh Trần Văn B mong muốn được chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Đình P. Chị Đặng Thị T mong muốn chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Đặng Khánh L và Trần Đặng Khánh L.

Xét yêu cầu khởi kiện về nuôi con của chị T, nguyện vọng của các con chung, điều kiện kinh tế của các bên. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về con chung: Giao con chung là Trần Đình P cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là Trần Đặng Khánh L và Trần Đặng Khánh L cho chị Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị T và anh B đều cho rằng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết chia tài sản chung nên không đề cập.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Đặng Thị T và anh Trần Văn B đều thừa nhận có khoản nợ chung 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) đối với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông. Ngày 23/4/2024, chị T và anh B đã tắt toán khoản nợ nêu trên và Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Nông đã rút đơn yêu cầu độc lập vì chị Đặng Thị T và anh Trần Văn B đã hoàn thành xong nghĩa vụ trả. Chị T và anh B không có các khoản nợ chung khác nên HĐXX đình chỉ giải quyết là phù hợp.

[3]. *Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Đắk Nông*.

Ngày 23/4/2024, Ngân hàng Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh Đắk Nông đã rút yêu cầu độc lập, do chị Đặng Thị T và anh Trần Văn B đã tắt toán khoản nợ với số tiền gốc 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng). HĐXX xét thấy cần đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập nêu trên là phù hợp.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Trần Văn B.

2. *Về con chung*: Giao con chung cháu Trần Đình P sinh ngày 23/06/2010 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung cháu Trần Đặng Khánh L sinh ngày 9/10/2012 và cháu Trần Đặng Khánh L sinh ngày

22/07/2016 cho chị Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B, chị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Đắk Nông.

4. *Về án phí*: Buộc chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000624 ngày 16/10/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố G. Chị T đã nộp xong án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Gia Nghĩa;
- Chi cục thi hành án TP G;
- UBND xã Đ;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐỖ VĂN THÀNH

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC THÀNH VIÊN **T. P CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND TP Gia Nghĩa;
- Chi cục thi hành án TP Gia Nghĩa;
- UBND xã Đăk R'Moan;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Văn Thành